TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ- ST
Ngày 23/5/2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Ông Nguyễn Hoàng Diệu;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 577/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, Quyết định hõa phiên tòa số 53/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm 1982 (Vắng mặt- có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Kim L - Sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D trình bày có nội dung:

Ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Kim L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu M – Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H – Sinh năm 02/9/2016;

Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không đồng nhất quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã làm ảnh hưởng đến con cái và đời sống. Bà L cấm đoán 02 con không cho tiếp xúc với ông D, không chịu đi làm hay cùng ông D vun đắp cho gia đình. Đến tháng 8/2020, mâu thuẫn phát sinh căng thẳng, bà L dẫn các con chung về nhà mẹ đẻ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng cố gắng hòa giải nhưng không thành. Nay ông D xét thấy tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L.

Về con chung: Ông D đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thu M – Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H – Sinh năm 02/9/2016 cho bà Loan trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Thu M, Nguyễn Thu H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về tài sản chung: Ông D, bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Hoàng Thị Kim L trình bày có nội dung:

Bà Hoàng Thị Kim L và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu M – Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H – Sinh năm 02/9/2016.

Quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D hay đánh bà, không quan tâm đến vợ con, sống vô tâm, lạnh nhạt dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Bà L đã cố gắng khắc phục để níu kéo nhưng không có kết quả. Đỉnh điểm vào tháng 8/2019 vợ chồng cãi nhau, ông D đánh và xúc phạm bà. Sau đó bà chịu đựng không nỗi nên đã đưa 02 con gái về nhà mẹ đẻ tại thành phố B sống từ cuối tháng 8/2019 đến nay; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L thì bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà và các con đã sinh sống ổn định tại thành phố B nên không thể quay về tiếp tục chung sống với ông D được nữa. Trước đây bà đồng ý ly hôn nhưng nay bà muốn giữ cha cho các con nên bà không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì quan điểm của bà:

Về con chung: Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Thu M – Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H – Sinh năm 02/9/2016 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về tài sản chung: Ông D, bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án, xét thấy ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Kim L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay ông Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về viêc ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L. Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Thu M – Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H – Sinh năm 02/9/2016 cho bà Hoàng Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông Nguyễn Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ/tháng/cháu đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành; Về tài sản chung: Ông D, bà L tự thỏa thuận chia, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L có nơi cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Hoàng Thị Kim L đã được triệu tập hợp lệ

đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Hoàng Thị Kim L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay;

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông D, bà L phát sinh đã lâu, tình trạng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa ông D, bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của ông Nguyễn Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Thu M- Sinh ngày 28/7/2013 và Nguyễn Thu H- Sinh năm 02/9/2016 cho bà Hoàng Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Thu M- Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu; thời gian cấp dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn D, bà Hoàng Thị Kim L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L;

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D được ly hôn với bà Hoàng Thị Kim L;

Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Thu M- Sinh ngày 28/7/2013 và Nguyễn Thu H- Sinh năm 02/9/2016 cho bà Hoàng Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn D tự nguyện cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Thu M- Sinh ngày 28/7/2013 và cháu Nguyễn Thu H- Sinh năm 02/9/2016 với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng/cháu; thời gian cấp dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn D, bà Hoàng Thị Kim L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ông Nguyễn Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở;

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn D, bà Hoàng Thị Kim L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn D đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004503 ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn D, bị đơn bà Hoàng Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND phường A, TP. V (Số X, quyển số X, ngày 04/3/2011);
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương